

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN -
BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ****BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN -
BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2013*Số: 42/2013/TTLT-BNNPTNT-
BTC-BKHĐT**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH****Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012
của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng
Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt
trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (sau đây viết tắt là VietGAP).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (sau đây viết tắt là Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế (sau đây viết tắt là người sản xuất) các loại sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này *Sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn* (gọi chung là sản phẩm VietGAP) là sản phẩm thuộc một trong các loại sau:

1. Sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với VietGAP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc GAP khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng.

3. Sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng.

Điều 4. Điều kiện đối với người sản xuất được hỗ trợ

Người sản xuất được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Sản phẩm đăng ký thực hiện áp dụng VietGAP thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, Danh mục sản phẩm đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành;

Giấy đăng ký thực hiện áp dụng VietGAP theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thực hiện áp dụng VietGAP trong quá trình sản xuất, sơ chế đối với loại sản phẩm đăng ký.

3. Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm được ghi trong Giấy đăng ký áp dụng VietGAP và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại địa điểm đăng ký áp dụng VietGAP.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg

1. Ngân sách Nhà nước đầu tư và hỗ trợ đầu tư thông qua các Dự án, Chương trình mục tiêu về áp dụng VietGAP và các Dự án, Chương trình mục tiêu khác có liên quan; kinh phí khuyến nông, kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học phù hợp với phân cấp của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Nội dung, mức đầu tư, hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của Chương trình, Dự án có liên quan và các nguồn kinh phí sự nghiệp khác.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hàng năm ưu tiên lồng ghép các Chương trình, Dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn nêu tại Phụ lục II của Thông tư này, các Chương trình, Dự án khác có liên quan và các nguồn kinh phí sự nghiệp khác để đầu tư, hỗ trợ cho các Dự án áp dụng VietGAP.

Điều 6. Về quy hoạch vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng VietGAP

1. Nội dung quy hoạch vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng VietGAP

a) Điều tra, phân tích các nguồn lực, cơ sở hạ tầng, đánh giá thực trạng, yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm áp dụng VietGAP;

b) Khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí của vùng quy hoạch.

2. Quy mô diện tích các vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng VietGAP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch thực hiện theo Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ.

Điều 7. Xây dựng dự án áp dụng VietGAP được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình, Dự án về áp dụng VietGAP được hỗ trợ (sau đây gọi chung là Dự án VietGAP) từ ngân sách Trung ương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình, Dự án về áp dụng VietGAP được hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

3. Khi xây dựng, phê duyệt Dự án VietGAP quy định cụ thể nội dung: chủ đầu tư; địa bàn hoặc đơn vị áp dụng VietGAP; mục tiêu; đối tượng được hỗ trợ; nội dung; cấp độ áp dụng VietGAP; dự án thành phần (nếu có); sản phẩm của dự án; chế độ quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước đầu tư, hỗ trợ.

4. Đối với Dự án VietGAP có sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại áp dụng theo nội dung, mức chi của nhà tài trợ quy định tại các thỏa thuận tài trợ hoặc áp dụng theo mức chi do đại diện nhà tài trợ, Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản dự án thống nhất; trường hợp đại diện nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Quản lý, sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ việc áp dụng VietGAP

1. Đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các Dự án sản xuất nông, lâm, thủy sản áp dụng VietGAP do cấp có thẩm quyền quyết định.

Ngân sách Trung ương cấp kinh phí cho các Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện có tính chất liên vùng; ngân sách địa phương cấp kinh phí cho các Dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Hỗ trợ cho đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng vùng sản xuất tập trung để phù hợp với yêu cầu VietGAP thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg.

3. Hỗ trợ thông qua các Chương trình, Dự án về áp dụng VietGAP:

a) Hỗ trợ cho tập huấn, đào tạo, dạy nghề:

Đối tượng: cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế.

Nội dung và mức hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại các Chương trình, Dự án lồng ghép thực hiện VietGAP.

b) Hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM): nội dung chi và mức chi theo Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

c) Hỗ trợ cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP

Hỗ trợ người sản xuất một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP (lần đầu hoặc cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP);

Người sản xuất gửi Bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP cho chủ đầu tư dự án VietGAP kèm theo kết quả tự đánh giá nội bộ đạt yêu cầu

VietGAP và bản sao Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP được cấp lần đầu (đối với trường hợp đề nghị cấp lại);

Chủ đầu tư dự án VietGAP lựa chọn tổ chức chứng nhận có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trả kinh phí chứng nhận sản phẩm VietGAP cho tổ chức chứng nhận;

Cơ quan chủ quản của dự án VietGAP chịu trách nhiệm về giá dịch vụ chứng nhận sản phẩm VietGAP.

4. Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia và các văn bản hướng dẫn.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Ban hành Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices); Quy chuẩn kỹ thuật về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, sơ chế; Danh mục sản phẩm được hỗ trợ; Công nhận cho áp dụng các tiêu chuẩn GAP khác, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ;

b) Hướng dẫn điều tra, quy hoạch các vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng VietGAP;

c) Lồng ghép các Chương trình, Dự án khác có liên quan để đầu tư, hỗ trợ cho các dự án VietGAP ở Trung ương, chỉ đạo địa phương lồng ghép các Dự án VietGAP vào các Chương trình, Dự án khác của địa phương;

d) Bố trí kinh phí khuyến nông, kinh phí sự nghiệp khoa học được phân bổ hàng năm để thực hiện Dự án, đề tài áp dụng VietGAP;

đ) Trên cơ sở báo cáo của địa phương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện các dự án VietGAP trên phạm vi toàn quốc.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Phê duyệt quy hoạch các vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng VietGAP trên địa bàn;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, các cơ chế chính sách hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này, sử dụng ngân sách địa phương, nguồn hỗ trợ từ các Chương trình, Dự án Trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho các nội dung quy định tại Điều 8 của Thông tư này;

Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện các dự án VietGAP từ ngân sách của địa phương theo thẩm quyền;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án VietGAP thuộc thẩm quyền;

d) Quý 4 hàng năm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2013.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Hiếu

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Minh

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Văn Tám

Phụ lục I**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ ÁP DỤNG VIETGAP**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng.... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ ÁP DỤNG VietGAP**Kính gửi: (Chủ đầu tư dự án áp dụng VietGAP)**

1. Tên người sản xuất:.....

2. Địa chỉ:.....

ĐT..... Fax..... Email.....

3. Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh (nếu có):

4. Đăng ký áp dụng VietGAP:

- Giai đoạn áp dụng: Sản xuất ; Sơ chế ; Sản xuất và sơ chế

- Chung loại sản phẩm:

- Diện tích sản xuất (ha hoặc m²)

- Công suất sơ chế (kg hoặc tấn/ngày):

- Sản lượng sản xuất/sơ chế (kg hoặc tấn/năm):

- Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm:..... hoặc

- Phương án tiêu thụ sản phẩm VietGAP:.....

5. Chúng tôi cam kết áp dụng VietGAP trong quá trình

Sản xuất Sơ chế Sản xuất và sơ chế đối với sản phẩm.....

Đề nghị.... (Chủ đầu tư dự án).... cho tham gia dự án VietGAP để được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ./.

**Xác nhận của UBND
xã/phường/thị trấn**
(Ký tên, đóng dấu)

Người sản xuất
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU,
NGUỒN KINH PHÍ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Chương trình mục tiêu Quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm (dự án 5: Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông, lâm, thủy sản) theo Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2012 - 2015.

2. Dự án "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành Nông nghiệp đến năm 2020" thuộc Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020" theo Quyết định số 635/QĐ-TTg ngày 30/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chương trình mục tiêu Quốc gia việc làm và dạy nghề (dự án 2: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn) theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

5. Chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn theo Quyết định số 66/2000/QĐ-TTg ngày 13/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, Quyết định số 132/2001/QĐ-TTg ngày 07/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính thực hiện chương trình phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn, Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2009 - 2015.

6. Kinh phí khuyến nông theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/01/2010 về khuyến nông.

7. Kinh phí sự nghiệp khoa học theo quy định hiện hành.

8. Các dự án, chương trình mục tiêu khác có liên quan.